

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập) về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nhà máy vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái - Giai đoạn 1;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 41/GPMT-UBND ngày 12/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập) cấp phép cho Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen Yên Bái tại Văn bản số 01 ngày 15/7/2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Nhà máy vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái; Công văn số 02/CV ngày 10/11/2025 về việc hoàn

thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 445/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái, địa chỉ tại Thôn Đồng Danh, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với Nhà máy vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái.

1.2. Địa điểm thực hiện: Thôn Đồng Danh, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200870602 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái cấp cho Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen Yên Bái, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04 tháng 05 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 5200870602.

1.5. Loại hình sản xuất: Sản xuất tôn xóp và ống thép

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất là 87.283,7m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Dự án nhóm B

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: Ống thép mạ kẽm: 60.000 tấn/năm; Tôn xóp: 4.000 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Ống thép mạ kẽm: Phôi thép kẽm -> Hàn nối phôi -> Lồng trữ phôi -> Tạo hình -> Hàn cao tần -> Bào đường hàn -> Phun kẽm đường hàn -> Định hình sản phẩm -> Căn chỉnh độ thẳng -> Máy in phun -> Cắt -> Sản phẩm.

+ Tôn xóp: Nguyên liệu -> Tạo hình lớp tôn -> Ghép lớp lõi xóp -> Ép và định hình -> Kiểm tra đóng gói -> Sản phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Âu Lâu và các sở, ngành có liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Giấy phép môi trường số 41/GPMT-UBND cấp ngày 12/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (*trước sáp nhập*) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân phường Âu Lâu tổ chức kiểm tra việc thực hiện các theo quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Các Sở: Công thương; Nông nghiệp và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân phường Âu Lâu;
- Công ty TNHH MTV Hoa Sen Yên Bái;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (đc Khanh);
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh (*để công khai*);
- Lưu: VT, TNMT (Oanh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 1:

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà văn phòng.
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà lưu trú.
- + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà căng tin.
- + Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh công nhân.
- + Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà bảo vệ.
- + Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà kho và trưng bày sản phẩm.
- + Nguồn số 07: Dầu lactuca phát sinh từ công đoạn làm mát trong dây chuyền cán ống thép.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải số 01: Tương ứng với nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 06

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của đường Âu Cơ, tổ dân phố Đồng Danh, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai.

- Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ} 45'$ múi chiếu 3⁰): X= 2394757; Y= 514393.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 60 m³/ngày đêm

- Phương thức xả nước thải: Dòng nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đường ống UPVC DN150 dài 100m tự chảy vào hệ thống thoát nước chung của đường Âu Cơ, tổ dân phố Đồng Danh, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số $k = 1,2$), với các thông số như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	

2	BOD ₅	mg/l	60	Không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ)
3	TSS	mg/l	120	
4	TDS	mg/l	1.200	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào môi trường của cơ sở phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

2.2. Dòng nước thải số 02: Tương ứng với nguồn số 07

Dầu lactuca sau khi được xử lý qua tháp giải nhiệt và máy lọc bùn kèm chảy về 01 bể chứa dung tích 48,34 m³, sau đó tuần hoàn tái sử dụng không thải ra ngoài môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn:

- Nước mưa trên mái được thu gom theo các đường ống nhựa PVC D90 bố trí dọc nhà xưởng sau đó chảy vào hệ thống thoát nước mưa bề mặt.

- Nước mưa trên bề mặt chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà. Hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà là hệ thống cống bê tông cốt thép kích thước D600 - D800. Trên hệ thống cống bố trí 50 hố ga (kích thước 1,0m x 1,0m) khoảng cách giữa các hố ga khoảng 21 m - 66,51m, tổng chiều dài của hệ thống khoảng 1.800 m.

- Nước mưa chảy tràn sau đó được thoát ra 04 hướng qua 04 cửa xả:

+ Nước mưa chảy tràn trên mái và bề mặt từ cổng vào, nhà xe hiện hữu, khu vực trạm cân, căng tin và văn phòng chính được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà rồi thoát theo hướng phía Nam của nhà máy về cửa xả CX1 bằng

đường ống D600 dài khoảng 25,54m, sau đó chảy ra hệ thống thoát nước chung của đường Âu Cơ, tổ dân phố Đồng Danh, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai.

+ Nước mưa chảy tràn trên mái và bề mặt từ kho công cụ dụng cụ, nhà xe hiện hữu được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà rồi thoát theo hướng phía Nam về cửa xả CX2 bằng đường ống D800 dài khoảng 26,70m, sau đó chảy ra hệ thống thoát nước chung của đường Âu Cơ, tổ dân phố Đồng Danh, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai.

+ Nước mưa chảy tràn trên mái và trên bề mặt từ nhà kho, nhà trưng bày sản phẩm (phía Nam) và khu vực nhà xe hiện hữu (phía Nam) được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà rồi thoát theo hướng Đông Nam về cửa xả CX3 bằng đường ống D800, dài khoảng 20m sau đó chảy ra hệ thống thoát nước chung của đường Âu Cơ, tổ dân phố Đồng Danh, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai.

+ Nước mưa chảy tràn trên mái và trên bề mặt từ nhà kho, nhà trưng bày sản phẩm (phía Bắc) và nhà để xe xây mới được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà rồi thoát theo hướng Đông Bắc về cửa xả CX4 bằng đường ống D800, dài khoảng 15m sau đó chảy ra hệ thống thoát nước chung của đường Âu Cơ, tổ dân phố Đồng Danh, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được sử dụng là cống loại ly tâm, trên vỉa hè dùng loại tải trọng H10, dưới đường dùng loại HL93 (hoặc loại H30). Chiều dài mỗi đốt cống 2,5m/đốt.

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà văn phòng:

+ Nước thải xám (*từ chậu rửa, thoát sàn*): Được thu gom bằng đường ống PVC Φ90 vào 01 bể tự hoại (bể số 1) dung tích 18m³. Nước thải sau bể tự hoại được dẫn vào hố bơm nước thải dung tích 1m³ bằng đường ống PVC Φ114 dài khoảng 30m, sau đó theo đường ống PVC D42 dài khoảng 50m bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm.

+ Nước thải đen (*xí tiểu*): Được thu gom bằng đường ống PVC Φ110 vào 01 bể tự hoại (bể số 1) dung tích 18m³. Nước thải sau bể tự hoại được dẫn vào hố bơm nước thải dung tích 1m³ bằng đường ống PVC Φ114 dài khoảng 30m, sau đó theo đường ống PVC D42 dài khoảng 50m bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà lưu trú:

+ Nước thải xám (*từ chậu rửa, thoát sàn*): Được thu gom bằng đường ống PVC Φ90 vào 01 bể tự hoại (bể số 2) dung tích 18m³. Nước thải sau bể tự hoại được dẫn vào hố bơm nước thải dung tích 1m³ bằng đường ống PVC Φ114 dài khoảng 25m, sau đó theo đường ống PVC D42 dài khoảng 55m bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm.

+ Nước thải đen (*xí tiểu*): Được thu gom bằng đường ống PVC Φ110 vào 01 bể tự hoại (bể số 2) dung tích 18m³. Nước thải sau bể tự hoại được dẫn vào hố bơm

nước thải dung tích 1m^3 bằng đường ống PVC $\Phi 114$ dài khoảng 25m, sau đó theo đường ống PVC D42 dài khoảng 55m bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà căng tin:

+ Nước thải xám (*từ chậu rửa, thoát sàn*): Được thu gom bằng đường ống PVC $\Phi 90$ vào 01 bể tự hoại (bể số 3) dung tích 18m^3 . Nước thải sau bể tự hoại được dẫn vào hố bơm nước thải dung tích 1m^3 bằng đường ống PVC $\Phi 114$ dài khoảng 15m, sau đó theo đường ống PVC D42 dài khoảng 30m bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Nước thải đen (*xí tiểu*): Được thu gom bằng đường ống PVC $\Phi 110$ vào 01 bể tự hoại (bể số 3) dung tích 18m^3 . Nước thải sau bể tự hoại được dẫn vào hố bơm nước thải dung tích 1m^3 bằng đường ống PVC $\Phi 114$, dài khoảng 15m, sau đó theo đường ống PVC D42 dài khoảng 30m bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh công nhân:

+ Nước thải xám (*từ chậu rửa, thoát sàn*): Được thu gom bằng đường ống PVC $\Phi 90$ vào 01 bể tự hoại (bể số 4) dung tích 18m^3 . Nước thải sau bể tự hoại được dẫn vào hố bơm nước thải dung tích 1m^3 bằng đường ống PVC $\Phi 114$ dài khoảng 10m, sau đó theo đường ống PVC $\Phi 114$ dài khoảng 10m bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Nước thải đen (*xí tiểu*): Được thu gom bằng đường ống PVC $\Phi 110$ vào 01 bể tự hoại (bể số 4) dung tích 18m^3 . Nước thải sau bể tự hoại được dẫn vào hố bơm nước thải dung tích 1m^3 bằng đường ống PVC $\Phi 114$ dài khoảng 10m, sau đó theo đường ống PVC D42 dài khoảng 10m bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà bảo vệ:

+ Nước thải xám (*từ chậu rửa, thoát sàn*): Được thu gom bằng đường ống PVC $\Phi 90$ vào 01 bể tự hoại (bể số 5) dung tích 18m^3 . Nước thải sau bể tự hoại được dẫn vào hố bơm nước thải dung tích 1m^3 bằng đường ống PVC $\Phi 114$ dài khoảng 100m, sau đó theo đường ống PVC $\Phi 114$ dài khoảng 150m bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Nước thải đen (*xí tiểu*): Được thu gom bằng đường ống PVC $\Phi 110$ vào 01 bể tự hoại (bể số 5) dung tích 18m^3 . Nước thải sau bể tự hoại được dẫn vào hố bơm nước thải dung tích 1m^3 bằng đường ống PVC $\Phi 114$ dài khoảng 100m, sau đó theo đường ống PVC $\Phi 114$ dài khoảng 150m bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà kho và trưng bày sản phẩm (*xây mới*):

+ Nước thải xám (*từ chậu rửa, thoát sàn*): Được thu gom bằng đường ống PVC $\Phi 90$ vào 01 bể tự hoại (bể số 6) dung tích 18m^3 . Nước thải sau bể tự hoại được dẫn vào hố bơm nước thải dung tích 1m^3 bằng đường ống PVC $\Phi 114$ dài

khoảng 100m, sau đó theo đường ống PVC $\Phi 114$ dài khoảng 50m bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm.

+ Nước thải đen (xí tiểu): Được thu gom bằng đường ống PVC $\Phi 110$ vào 01 bể tự hoại (bể số 6) dung tích 18m³. Nước thải sau bể tự hoại được dẫn vào hồ bơm nước thải dung tích 1m³ bằng đường ống PVC $\Phi 114$ dài khoảng 100m, sau đó theo đường ống PVC $\Phi 114$ dài khoảng 150m bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm.

1.1.3. Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất

Dầu lactuca phát sinh tại công đoạn hàn cao tần, bào đường hàn, phun kẽm đường hàn và định hình sản phẩm tại mỗi dây chuyền sản xuất được thu gom bằng mương thu hồi (đặt ngầm) có lát gạch chống thấm kích thước 1,2m x 1,2m về 01 bể thu hồi dung tích 28,86m³. Tại bể thu hồi dầu lactuca được hút lên 01 tháp giải nhiệt để giảm nhiệt độ rồi bơm qua 01 máy lọc bùn kẽm để lọc các tạp chất rắn lơ lửng. Dầu lactuca sau khi qua tháp giải nhiệt và máy lọc bùn kẽm chảy về 01 bể chứa dung tích 48,34m³ và được bơm lên các dây chuyền sản xuất (tuần hoàn tái sử dụng không thải ra môi trường).

Bùn kẽm sau khi lọc được xả ra máng chứa và thu gom về khu lưu giữ chất thải, dầu lactuca định kỳ được thu gom, lưu giữ và thuê đơn vị có năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

a) Bể tự hoại: 06 bể tự hoại 03 ngăn; trong đó: 01 bể tại khu nhà văn phòng, 01 bể tại khu nhà lưu trú, 01 bể tại khu căng tin, 01 bể tại nhà vệ sinh công nhân, 01 bể tại nhà bảo vệ, 01 bể tại khu nhà kho và trưng bày sản phẩm (xây mới); mỗi bể đều có dung tích 18 m³/bể, kích thước mỗi bể dài 3,6m x rộng 2,5m x sâu 2,0m.

Quy trình xử lý: Nước thải đầu vào → Ngăn 1 (chứa, lắng, phân huỷ sinh học) → Ngăn 2 (lắng, phân huỷ sinh học) → Ngăn 3 (lắng, lọc, chứa) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

b) Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 60 m³/ngày đêm.

Quy trình xử lý: Nước thải đầu vào -> bể thu gom -> ngăn điều hòa -> ngăn thiếu khí -> ngăn hiếu khí -> ngăn lắng -> ngăn lọc -> ngăn chứa -> Nước thải theo đường ống PVC D800 dài 100m chảy vào hệ thống thoát nước chung của đường Âu Cơ, tổ dân phố Đồng Danh, phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai

Vật liệu sử dụng: Cát, than.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

- Bể thu hồi: 01 bể kích thước dài 2,075m x rộng 2,6m x sâu 5,35m; dung tích 28,86 m³

- Tháp giải nhiệt: 01 tháp lưu lượng tuần hoàn 2.925 lít/phút, khả năng làm mát 877,500 Kcal/hr, nhiệt độ nước nóng vào tháp 37°C, nhiệt độ nước sau giải nhiệt 32°C.

- Máy lọc kích thước: rộng 900cm x dài 2.200cm x cao 1.200cm, gồm 30 tấm lọc bằng nhựa PP, vật liệu thép CT3 bọc inox 304, dày 1mm.

- Bể chứa: 01 bể kích thước dài 3,475m x rộng 2,6m x sâu 5,35m; dung tích 48,34 m³

Quy trình xử lý: Dầu lactuca -> bể thu hồi -> tháp giải nhiệt -> máy lọc -> bể chứa -> tuần hoàn tái sử dụng không xả thải ra ngoài môi trường.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn;

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của công trình xử lý;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị, khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng dừng hoạt động phát sinh nước thải; tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra môi trường; tập trung khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động; chỉ hoạt động trở lại khi sự cố được khắc phục hoàn toàn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường tiếp nhận.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành theo dõi quá trình vận hành trạm xử lý nước thải tập trung với đầy đủ các thông tin cần theo dõi, giám sát như: người vận hành, thời gian, lưu lượng nước thải, thông số quan trắc, hóa chất sử dụng, thời gian xảy ra sự cố, nguyên nhân, thời gian khắc phục (thời gian bắt đầu, kết thúc),...

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá

giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả nước thải và thực hiện các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

PHỤ LỤC 2:**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ****MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải**

- Nguồn số 1: Bụi và bụi kim loại phát sinh từ công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất ống thép số 1.
- Nguồn số 2: Bụi và bụi kim loại phát sinh từ công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất ống thép số 2.
- Nguồn số 3: Bụi và bụi kim loại phát sinh từ công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất ống thép số 3.
- Nguồn số 4: Bụi và bụi kim loại phát sinh từ công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất ống thép số 4.
- Nguồn số 5: Bụi và bụi kim loại phát sinh từ công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất ống thép số 5.
- Nguồn số 6: Bụi và bụi kim loại phát sinh từ công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất ống thép số 6.

2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải**2.1. Vị trí xả bụi, khí thải**

- Vị trí xả bụi, khí thải số 1 (*tương ứng nguồn số 1*): Tại cửa thoát khí sau xử lý của hệ thống máy hút bụi tại dây chuyền sản xuất ống thép số 1. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°*): X_1 : 2394841; Y_1 : 514433.
- Vị trí xả bụi, khí thải số 2 (*tương ứng nguồn số 2*): Tại cửa thoát khí sau xử lý của hệ thống máy hút bụi tại dây chuyền sản xuất ống thép số 2. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°*): X_2 : 2394842; Y_2 : 514434.
- Vị trí xả bụi, khí thải số 3 (*tương ứng nguồn số 3*): Tại cửa thoát khí sau xử lý của hệ thống máy hút bụi tại dây chuyền sản xuất ống thép số 3. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°*): X_3 : 2394843; Y_3 : 514435.
- Vị trí xả bụi, khí thải số 4 (*tương ứng nguồn số 4*): Tại cửa thoát khí sau xử lý của hệ thống máy hút bụi tại dây chuyền sản xuất ống thép số 4. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°*): X_4 : 2394844; Y_4 : 514436.
- Vị trí xả bụi, khí thải số 5 (*tương ứng nguồn số 5*): Tại cửa thoát khí sau xử lý của hệ thống máy hút bụi tại dây chuyền sản xuất ống thép số 5. Tọa độ vị trí xả

bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X_5 : 2394845; Y_5 : 514437.

- Vị trí xả bụi, khí thải số 6 (tương ứng nguồn số 6): Tại cửa thoát khí sau xử lý của hệ thống máy hút bụi tại dây chuyền sản xuất ống thép số 6. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X_6 : 2394846; Y_6 : 514438.

2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải: Tổng lưu lượng xả bụi lớn nhất của cơ sở là $21.600 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Vị trí xả bụi, khí thải số 1: Lưu lượng xả bụi lớn nhất $3.600 \text{ m}^3/\text{giờ}$
- Vị trí xả bụi, khí thải số 2: Lưu lượng xả bụi lớn nhất $3.600 \text{ m}^3/\text{giờ}$
- Vị trí xả bụi, khí thải số 3: Lưu lượng xả bụi lớn nhất $3.600 \text{ m}^3/\text{giờ}$
- Vị trí xả bụi, khí thải số 4: Lưu lượng xả bụi lớn nhất $3.600 \text{ m}^3/\text{giờ}$
- Vị trí xả bụi, khí thải số 5: Lưu lượng xả bụi lớn nhất $3.600 \text{ m}^3/\text{giờ}$
- Vị trí xả bụi, khí thải số 6: Lưu lượng xả bụi lớn nhất $3.600 \text{ m}^3/\text{giờ}$

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Liên tục

2.2.2. Chất thải lượng bụi trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo yêu cầu về môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm^3	50	Không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)
2	Kẽm và hợp chất (tính theo Zn)	mg/Nm^3	8	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải

- Bụi và bụi kim loại phát sinh từ công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất ống thép số 1 được hút bằng 01 ống hút Ø200mm dài 3m/ống kết nối với máy hút bụi số 1 nhờ quạt hút công suất $3.600 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{máy}$ khi đi qua lõi lọc và màng lọc bụi được giữ lại và khí sạch được đưa ra ngoài qua cửa thoát khí số 1 (Ø350mm).

- Bụi và bụi kim loại phát sinh từ công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất ống thép số 2 được hút bằng 01 ống hút Ø200mm dài 3m/ống kết nối với máy hút bụi số 2 nhờ quạt hút công suất $3.600 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{máy}$ khi đi qua lõi lọc và màng lọc bụi được giữ lại và khí sạch được đưa ra ngoài qua cửa thoát khí số 2 (Ø350mm).

- Bụi và bụi kim loại phát sinh từ công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất ống thép số 3 được hút bằng 01 ống hút Ø200mm dài 3m/ống kết nối với máy hút bụi số 3 nhờ quạt hút công suất 3.600 m³/giờ/máy khi đi qua lõi lọc và màng lọc bụi được giữ lại và khí sạch được đưa ra ngoài qua cửa thoát khí số 3 (Ø350mm).

- Bụi và bụi kim loại phát sinh từ công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất ống thép số 4 được hút bằng 01 ống hút Ø200mm dài 3m/ống kết nối với máy hút bụi số 4 nhờ quạt hút công suất 3.600 m³/giờ/máy khi đi qua lõi lọc và màng lọc bụi được giữ lại và khí sạch được đưa ra ngoài qua cửa thoát khí số 4 (Ø350mm).

- Bụi và bụi kim loại phát sinh từ công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất ống thép số 5 được hút bằng 01 ống hút Ø200mm dài 3m/ống kết nối với máy hút bụi số 5 nhờ quạt hút công suất 3.600 m³/giờ/máy khi đi qua lõi lọc và màng lọc bụi được giữ lại và khí sạch được đưa ra ngoài qua cửa thoát khí số 5 (Ø350mm).

- Bụi và bụi kim loại phát sinh từ công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm tại dây chuyền sản xuất ống thép số 6 được hút bằng 01 ống hút Ø200mm dài 3m/ống kết nối với máy hút bụi số 6 nhờ quạt hút công suất 3.600 m³/giờ/máy khi đi qua lõi lọc và màng lọc bụi được giữ lại và khí sạch được đưa ra ngoài qua cửa thoát khí số 6 (Ø350mm).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Máy hút bụi số 1: Kích thước là 2100mm x 710mm; bên trong gồm 12 lõi lọc bụi, kích thước mỗi lõi lọc bụi kèm Φ155mm x 650mm.

- Máy hút bụi số 2: Kích thước là 2100mm x 710mm; bên trong gồm 12 lõi lọc bụi, kích thước mỗi lõi lọc bụi kèm Φ155mm x 650mm.

- Máy hút bụi số 3: Kích thước là 2100mm x 710mm; bên trong gồm 12 lõi lọc bụi, kích thước mỗi lõi lọc bụi kèm Φ155mm x 650mm.

- Máy hút bụi số 4: Kích thước là 2100mm x 710mm; bên trong gồm 12 lõi lọc bụi, kích thước mỗi lõi lọc bụi kèm Φ155mm x 650mm.

- Máy hút bụi số 5: Kích thước là 2100mm x 710mm; bên trong gồm 12 lõi lọc bụi, kích thước mỗi lõi lọc bụi kèm Φ155mm x 650mm.

- Máy hút bụi số 6: Kích thước là 2100mm x 710mm; bên trong gồm 12 lõi lọc bụi, kích thước mỗi lõi lọc bụi kèm Φ155mm x 650mm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó với sự cố môi trường:

- Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý; bảo dưỡng, bảo trì định kỳ hệ thống đảm bảo vận hành không bị quá tải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng dừng hoạt động phát sinh bụi, khí thải; tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để bụi, khí thải chưa xử lý thải ra ngoài môi trường; tập trung khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động; chỉ hoạt động trở lại khi sự cố được khắc phục hoàn toàn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải của Nhà máy đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, đảm bảo các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải và thực hiện các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

PHỤ LỤC 3:**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: Công đoạn bào đường hàn và công đoạn cắt sản phẩm của dây chuyền sản xuất số 01.
- Nguồn số 2: Công đoạn bào đường hàn và công đoạn cắt sản phẩm của dây chuyền sản xuất số 02.
- Nguồn số 3: Công đoạn bào đường hàn và công đoạn cắt sản phẩm của dây chuyền sản xuất số 03.
- Nguồn số 4: Công đoạn bào đường hàn và công đoạn cắt sản phẩm của dây chuyền sản xuất số 04.
- Nguồn số 5: Công đoạn bào đường hàn và công đoạn cắt sản phẩm của dây chuyền sản xuất số 05.
- Nguồn số 6: Công đoạn bào đường hàn và công đoạn cắt sản phẩm của dây chuyền sản xuất số 06.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1 Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

2.2 Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027 tiếng ồn, độ rung phát sinh tại cơ sở đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và theo quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành hoạt động của cơ sở, đảm bảo đạt các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường.

2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Thường xuyên theo dõi các tác động ảnh hưởng tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của cơ sở để tránh ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh khu vực; chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung hoạt động của cơ sở gây ra.

PHỤ LỤC 4:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

TT	Chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	12
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	5
3	Thùng, bao bì, kim loại đựng dầu nhớt và dung môi	18 01 02	Rắn	1.153
4	Bùn thải chứa các thành phần nguy hại (bùn thải kẽm từ máy lọc dầu lactuca)	07 03 07	Rắn	10.670
5	Pin, ác quy chì thải	19 06 01	Rắn	274
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	2.497
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	280
8	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý dầu lactuca	05 01 02	Lỏng	50.239
9	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	Rắn	5
10	Thiết bị điện, điện tử	16 01 13	Rắn	49
Tổng				65.184

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Khối lượng chất thải rắn sản xuất công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 12.720 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm dăm bào thải, miếng/mảnh tôn

thừa thải, xộp thải, bao bì, ni long, giấy dán... không dính các thành phần nguy hại. Ngoài ra, còn bùn thải phát sinh từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải....

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 80 kg/ngày chủ yếu là rau, thực phẩm thừa, chất hữu cơ dễ phân hủy, bao bì...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 10 thùng chứa dung tích 100 lít có nắp đậy kín dạng nhựa chuyên dùng, chống ăn mòn, có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 193m² (kích thước dài 15,0m x rộng 12,87m). Kho được xây dựng kín, mái che, nền cao lát bê tông, có biển cảnh báo kho chứa CTNH.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Trong kho bố trí 10 thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt được dán nhãn mác và đánh mã số CTNH. Bố trí đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định.

- Chỉ được lưu giữ chất thải nguy hại không quá 01 năm, kể từ thời điểm phát sinh. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 10 thùng chứa dung tích 200 lít có nắp đậy kín dạng nhựa chuyên dùng.

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường diện tích 387m² (kích thước dài 30m x rộng 12,87m). Kho được xây kín, có mái che, nền cao lát bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 50 thùng rác nhựa có nắp đậy loại 100 lít quanh nhà máy (khu vực văn phòng, khu vực xưởng sản xuất, khu vực nhà vệ sinh, nhà bảo vệ, khu vực ghế nghỉ ngơi công nhân...), 03 xe đẩy rác phục vụ vận chuyển về điểm tập kết rác thải chung của khu vực.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh đảm bảo theo quy định (tần suất 1 lần/ngày).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, sự cố hệ thống lưu giữ chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Hoa Sen có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 5:**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng (*xây dựng thêm nhà kho trưng bày sản phẩm, nhà xưởng phụ, nhà ăn, bãi xe và các hạng mục phụ trợ khác*) và quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ (01 năm) chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa thay thế bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao

thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Nghiêm túc vận hành hệ thống xử lý chất thải (bụi, khí thải, nước thải..) theo đúng quy trình đã được phê duyệt, đảm bảo không để xảy ra sự cố môi trường, kiến nghị của người dân khu vực xung quanh cơ sở.

5. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.